

Bản án số: 44/2025/HS-ST
Ngày 18 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày: 10/9/1993 tại Phường D, V, Hậu Giang. Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ (Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cũ); nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T1; chưa có vợ và chưa có con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/8/2024 bị Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền với số tiền phạt 2.000.000 đồng, chấp hành xong quyết định ngày 16/9/2024; nhân thân: Ngày 07/12/2016 Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội “Cướp tài sản” (Bản án số: 44/2016/HSST), chấp hành xong hình phạt ngày 07/4/2019, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 21/02/2017; bị bắt, tạm giam: Không. (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*

1. Nguyễn Văn S - Sinh năm: 1974. (Vắng mặt)
2. Phạm Thị T1 - Sinh năm: 1971. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ (Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cũ).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Huỳnh Cao C - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Trần Thanh R - Sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ (Áp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cũ).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Nhật T2 - Sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ (Áp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cũ).

2. Trương Thị Quỳnh T3 - Sinh năm: 2004. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ (Áp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/11/2024, Nguyễn Văn T gặp Trần Thanh R nên R điều khiển xe mô tô chở T đến nhà Nguyễn Nhật T2 tại Áp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ). Tại đây, T2 tổ chức uống rượu gồm có: T2, Rồi, T và Nguyễn Công T4. Tất cả uống được khoảng 1,5 lít rượu trắng thì T2 và T4 đi chỗ khác. Lúc này chỉ còn lại T và Rồi, cả 02 tiếp tục uống rượu đến khoảng 17 giờ thì nghỉ. Rồi thì nằm ngủ tại sà n ván, trước khi ngủ Rồi lấy điện thoại mở nhạc, xong Rồi để trên gối thuốc lá cặp bên; còn T thì đi đến cái võng cách chỗ R nằm khoảng 01 mét, T nằm trên võng ngủ khoảng 30 phút thì thức dậy thấy R vẫn còn ngủ say nên nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T lấy điện thoại nhãn hiệu POCO màu đen xong Trạng tắt nguồn, bỏ điện thoại vào túi quần và lên võng tiếp tục ngủ. Đến khoảng 18 giờ, R thức dậy phát hiện điện thoại bị mất, có tổ chức tìm kiếm xung quanh một lúc nhưng không gặp. Sau đó R chở T đi về nhà.

Đến 06 giờ 30 phút ngày 13/11/2024, T đi đến nhà Trường bán cho T2 chiếc điện thoại di động hiệu POCO C40 với giá 500.000 đồng, khi bán cho T2 thì T nói là điện thoại của mẹ cho không có nhu cầu xài nên bán lại, nghe vậy T2 đồng ý mua và trả cho T 500.000 đồng. Đến ngày 16/11/2024, do cần tiền tiêu xài trong gia đình nên T2 mang đến tiệm C1, địa chỉ đường L, Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ) cầm. Tại đây T2 gặp Trương Thị Quỳnh T3 là nhân viên của tiệm, T2 cầm điện thoại với giá 800.000 đồng. Đến ngày 19/11/2024, Ròi phát hiện được điện thoại bị mất và đang cầm ở tiệm cầm đồ Lê T5 nên R đến gặp T hỏi và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm điện thoại, R yêu cầu T đến tiệm chuộc lại điện thoại trả lại cho R. Sau khi nhận lại được điện thoại, ngày 21/11/2024, Ròi đến Công an xã V (nay là Công an Phường V) trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTS ngày 24/12/2024 của Hội đồng thẩm định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang kết luận: 01 (Một) điện thoại di động hiệu POCO C40, màu đen, dung lượng 64GB; số Imei 1: 862598051943769; số Imei 2: 862598051943777; số sêri: 7be53f8d điện thoại đã qua sử dụng có giá là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 222/2025/KLGD ngày 06/6/2025 của Trung tâm P kết luận:

- Về y học: Tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 - ICD10).

- Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu: Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, kiểu máy POCO C40, dung lượng 64GB; số sêri: 7be53f8d; số Imei 1: 862598051943769; số Imei 2: 862598051943777, điện thoại đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu Trần Thanh R: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, kiểu máy POCO C40, dung lượng 64GB; số sêri: 7be53f8d; số Imei 1: 862598051943769; số Imei 2: 862598051943777, điện thoại đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thanh R đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS-KV11 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T có lý lịch

và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Trọng phạm T6 “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không có nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố, áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Phạm Thị T1 (là mẹ ruột của bị cáo) trình bày lý do bị cáo vắng mặt là do bị cáo thường xuyên cùng với bạn bè đi làm ở địa phương khác khoảng 05 - 06 ngày rồi trở về nhà. Cách ngày mở phiên tòa vài ngày, sau khi bị cáo đến Tòa án nhận giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 02 thì bị cáo lại đi làm và không biết đi đâu, không liên lạc được. Xét thấy sự vắng mặt của bị cáo không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và sự vắng mặt

của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

[3] Về sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn T vắng mặt. Tuy nhiên, qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[5] Vào ngày 12/11/2024, bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Thanh R đến nhà của Nguyễn Nhật T2 tại Ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ) để uống rượu cùng với T2 và Nguyễn Công T4. Sau khi uống rượu xong, R đi ngủ và để 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu POCO C40 bên cạnh. Lúc này bị cáo T thấy R ngủ say nên đã lấy chiếc điện thoại di động của R, tắt nguồn và bỏ vào túi quần của T sau đó đi ngủ. Khi R tỉnh dậy phát hiện điện thoại di động bị mất nên tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm thấy. Đến ngày 13/11/2024 bị cáo T bán chiếc điện thoại di động cho T2 với giá 500.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản, 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu POCO C40 trị giá 800.000 đồng.

[6] Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;”.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Thanh R trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm đã cấu thành tội

phạm “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, ngoài lần phạm tội đang bị xét xử, bị cáo đã từng bị kết án 01 lần nhưng đã được xóa án tích.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy: Mặc dù bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng xét nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt hình phạt tù nhưng được hưởng án treo về tội phạm xâm phạm sở hữu nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” 02 lần, trong đó có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và 01 lần đang bị xét xử; trong thời gian tại ngoại, bị cáo thường xuyên thực hiện hành vi phá phách (theo Biên bản sự việc ngày 05/9/2025 của Công an phường V, thành phố Cần Thơ và Đơn xin thay đổi biện pháp ngăn chặn của ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T1 là cha, mẹ ruột của bị cáo). Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã xử lý xong các vật chứng bị thu giữ, tạm giữ. Xét thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng án treo như nhận định tại mục [11].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Trọng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06);
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc